

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-29
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26/05/1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500445085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Duy Đồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mai	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Tiến	Ủy viên
Ông Ngô Đức Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Khôi	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Tiến	Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên
Ông Đào Tú Bình	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Nguyễn Huy Tiến - Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025

Số: 080825.008/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức được lập ngày 08 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

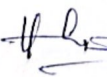
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

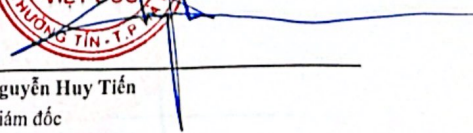
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		148.877.522.072	136.795.413.351
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.768.139.835	24.412.914.593
111	1. Tiền		20.768.139.835	24.412.914.593
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.273.871.181	56.145.394.020
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	58.303.272.144	52.179.066.300
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	7.441.296.797	10.459.928.347
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	126.837.140	103.934.273
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.597.534.900)	(6.597.534.900)
140	IV. Hàng tồn kho	8	68.191.132.401	56.237.104.738
141	1. Hàng tồn kho		68.191.132.401	56.237.104.738
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		644.378.655	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		625.910.626	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	18.468.029	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		37.094.444.688	31.714.810.342
220	II. Tài sản cố định		34.184.017.713	28.810.069.708
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	34.184.017.713	28.810.069.708
222	- Nguyên giá		154.686.733.857	145.975.570.138
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(120.502.716.144)	(117.165.500.430)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		267.135.000	267.135.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.135.000)	(267.135.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.910.426.975	2.904.740.634
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.910.426.975	2.904.740.634
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		185.971.966.760	168.510.223.693

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘTại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		61.187.008.299	53.872.802.545
310	I. Nợ ngắn hạn		58.211.308.299	50.386.982.545
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	20.803.413.369	8.906.031.503
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		544.859.012	26.441.058
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.471.329.816	1.830.898.499
314	4. Phải trả người lao động		7.491.324.225	5.604.241.965
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	26.180.410
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	695.788.874	11.631.426.578
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	26.367.301.362	21.647.239.891
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		837.291.641	714.522.641
330	II. Nợ dài hạn		2.975.700.000	3.485.820.000
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	14	2.975.700.000	3.485.820.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		124.784.958.461	114.637.421.148
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	124.784.958.461	114.637.421.148
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		66.294.890.000	55.247.160.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		66.294.890.000	55.247.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		683.890.000	683.890.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.524.716.000	5.524.716.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.281.462.461	53.181.655.148
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		41.633.925.148	39.699.394.648
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		10.647.537.313	13.482.260.500
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		185.971.966.760	168.510.223.693


Ngô Thị Hương
Người lập


Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tiến
Giám đốc


Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	214.381.694.095	170.427.532.144
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.069.827.120	2.148.599.674
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.311.866.975	168.278.932.470
11	4. Giá vốn hàng bán	21	182.202.446.957	141.866.192.130
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.109.420.018	26.412.740.340
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	10.448.579	26.556.822
22	7. Chi phí tài chính	23	578.155.302	540.196.098
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		578.155.302	535.649.961
25	8. Chi phí bán hàng	24	8.687.896.226	6.760.462.990
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.485.184.033	7.583.726.135
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.368.633.036	11.554.911.939
31	11. Thu nhập khác		2.503.000	-
32	12. Chi phí khác		49.371.516	26.078.173
40	13. Lợi nhuận khác		(46.868.516)	(26.078.173)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.321.764.520	11.528.833.766
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	2.674.227.207	2.310.982.388
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.647.537.313	9.217.851.378
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.606	1.390


 Ngô Thị Hương
 Người lập


 Hoàng Xuân Thành
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Huy Tiến
 Giám đốc


Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025

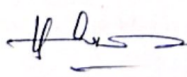
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

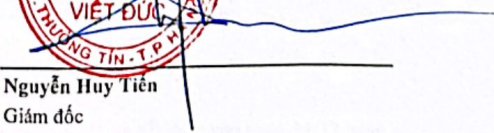
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		228.059.949.210	177.484.519.674
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(186.228.401.048)		(155.077.528.398)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(15.977.055.765)		(14.004.248.114)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(604.335.712)		(535.649.961)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.951.826.884)		(3.093.439.847)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	128.464.986		135.967.089
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(11.994.392.033)		(7.736.944.887)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.432.402.754	(2.827.324.444)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.711.163.719)	(1.325.077.727)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.376.436	10.352.540
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.700.787.283)	(1.314.725.187)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		35.721.185.516	40.011.039.222
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(31.001.124.045)	(27.647.238.533)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.096.451.700)	(10.996.935.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.376.390.229)	1.366.865.689
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.644.774.758)	(2.775.183.942)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		24.412.914.593	30.711.363.013
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	20.768.139.835	27.936.179.071


 Ngô Thị Hương
 Người lập


 Hoàng Xuân Thành
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Huy Tiến
 Giám đốc



Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26/05/1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500445085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 66.294.890.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 66.294.890.000 VND; tương đương 6.629.489 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 203 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 187 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu để sản xuất vật liệu hàn;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2025, thị trường xây dựng bất động sản, ngành đóng tàu trong nước tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2024 làm cho sản phẩm que hàn, dây hàn, sơn của Công ty nhận được những phản hồi tích cực về chất lượng sản phẩm đặc biệt từ các đơn vị trong ngành xây dựng và đóng tàu khiến cho doanh thu kỳ này của Công ty tăng 25,79% so với cùng kỳ năm trước mặc dù giá bán bình quân kỳ này có xu hướng giảm do cạnh tranh trên thị trường.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là "Nhà máy sản xuất dây hàn" tại Hải Dương, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại dây hàn.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Bảng sáng chế	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp được phân bổ theo thời gian hoạt động của dự án.
- Chi phí chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động kinh doanh que hàn, dây hàn điện và cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của toàn Công ty. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	201.370.576	232.533.358
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.566.769.259	24.180.381.235
	<u>20.768.139.835</u>	<u>24.412.914.593</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh,
Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.450.366.708	(3.406.673.850)	3.450.366.708	(3.406.673.850)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Chanh	1.092.299.223	(1.092.299.223)	1.092.299.223	(1.092.299.223)
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Tổng hợp Phương Đông	11.651.300.293	-	12.038.841.650	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	4.402.105.780	-	2.170.444.100	-
Các khách hàng khác	37.707.200.140	(2.098.561.827)	33.427.114.619	(2.098.561.827)
	58.303.272.144	(6.597.534.900)	52.179.066.300	(6.597.534.900)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần Thương mại T.E.M	-	-	153.758.000	-
Tianjin Golden Bridge welding materials group internatinonal Trading Co.,Ltd	3.554.713.322	-	2.400.038.157	-
Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang Việt Nam	-	-	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Titan Hoàng Long	534.600.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	3.351.983.475	-	6.406.132.190	-
	7.441.296.797	-	10.459.928.347	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh,
Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	8.296.930	-
Tạm ứng	60.638.599	-	31.134.593	-
Phải thu khác	66.198.541	-	64.502.750	-
	<u>126.837.140</u>	<u>-</u>	<u>103.934.273</u>	<u>-</u>

7 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS	3.406.673.850	-	3.406.673.850	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Chanh	1.092.299.223	-	1.092.299.223	-
- Các khoản khác	2.151.944.871	53.383.044	2.151.944.871	53.383.044
	<u>6.650.917.944</u>	<u>53.383.044</u>	<u>6.650.917.944</u>	<u>53.383.044</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.801.078.631	-	31.080.086.010	-
Công cụ, dụng cụ	402.511.569	-	433.374.610	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.159.368.168	-	10.166.164.187	-
Thành phẩm	14.138.916.141	-	12.365.087.746	-
Hàng hoá	4.689.257.892	-	2.192.392.185	-
	<u>68.191.132.401</u>	<u>-</u>	<u>56.237.104.738</u>	<u>-</u>

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	42.524.079.417	91.269.473.205	11.751.177.607	430.839.909	145.975.570.138
- Mua trong kỳ	-	3.937.554.672	745.370.370	2.075.672.222	6.758.597.264
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.952.566.455	-	-	-	1.952.566.455
Số dư cuối kỳ	44.476.645.872	95.207.027.877	12.496.547.977	2.506.512.131	154.686.733.857
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	30.117.334.474	77.327.489.488	9.487.207.808	233.468.660	117.165.500.430
- Khấu hao trong kỳ	1.004.697.312	1.940.457.743	274.825.958	117.234.701	3.337.215.714
Số dư cuối kỳ	31.122.031.786	79.267.947.231	9.762.033.766	350.703.361	120.502.716.144
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	12.406.744.943	13.941.983.717	2.263.969.799	197.371.249	28.810.069.708
Tại ngày cuối kỳ	13.354.614.086	15.939.080.646	2.734.514.211	2.155.808.770	34.184.017.713

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.200.667.429 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.951.962.179 VND.

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bằng sáng chế với nguyên giá tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 đều là 267.135.000 VND và đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp (*)	2.491.301.715	2.581.129.521
Chi phí trả trước dài hạn khác	419.125.260	323.611.113
	<u>2.910.426.975</u>	<u>2.904.740.634</u>

(*) Khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng liên quan đến Dự án Nhà máy sản xuất dây hàn 6.000 tấn/năm tại tỉnh Hải Dương được phân bổ theo thời gian hoạt động của dự án.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH nhựa PHOENIX	1.454.823.150	1.454.823.150	1.853.304.950	1.853.304.950
Công ty TNHH Bao Bì Phú Minh	918.099.393	918.099.393	980.042.113	980.042.113
Công ty TNHH sản xuất, dịch vụ, thương mại hóa chất Hoàng Long	550.369.500	550.369.500	685.390.500	685.390.500
Công ty Cổ phần Hợp kim Tây An	938.261.500	938.261.500	1.120.135.500	1.120.135.500
Công ty TNHH Thương mại Đức Hiền	5.308.767.290	5.308.767.290	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Đỏ	4.854.393.017	4.854.393.017	598.923.303	598.923.303
Đối tượng khác	6.778.699.519	6.778.699.519	3.668.235.137	3.668.235.137
	<u>20.803.413.369</u>	<u>20.803.413.369</u>	<u>8.906.031.503</u>	<u>8.906.031.503</u>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.043.433.986	6.742.415.135	7.785.849.121	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	51.782.478	70.250.507	18.468.029	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	709.599.113	2.674.227.207	1.951.826.884	-	1.431.999.436
Thuế Thu nhập cá nhân	-	77.287.000	886.497.841	925.040.461	-	38.744.380
Thuế Tài nguyên	-	578.400	3.441.600	3.434.000	-	586.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	693.336.575	693.336.575	-	-
Các loại thuế khác	-	-	36.481.369	36.481.369	-	-
	-	1.830.898.499	11.088.182.205	11.466.218.917	18.468.029	1.471.329.816

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là tiền thu từ hoạt động cho thuê kho bãi, nhà xưởng của Công ty. Khoản doanh thu này được phân bổ dần vào doanh thu theo thời gian thuê kho bãi, nhà xưởng của khách hàng.

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	494.424.790	338.347.413
- Bảo hiểm xã hội	8.941.121	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	39.470.980	11.135.922.680
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	152.951.983	157.156.485
	695.788.874	11.631.426.578

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (*)	21.647.239.891	21.647.239.891	35.721.185.516	31.001.124.045	26.367.301.362	26.367.301.362
	<u>21.647.239.891</u>	<u>21.647.239.891</u>	<u>35.721.185.516</u>	<u>31.001.124.045</u>	<u>26.367.301.362</u>	<u>26.367.301.362</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại ngày 30/06/2025:

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2025-HĐCVHM/NHCT320-VIWELCO ngày 21/04/2025 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 21/04/2025 đến ngày 09/04/2026;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 26.367.301.362 VND;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	52.697.524.132	114.153.290.132
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	9.217.851.378	9.217.851.378
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.028.000.000)	(1.028.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	60.887.375.510	122.343.141.510
Số dư đầu năm nay	55.247.160.000	683.890.000	5.524.716.000	53.181.655.148	114.637.421.148
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	10.647.537.313	10.647.537.313
Phân phối lợi nhuận (*)	11.047.730.000	-	-	(11.547.730.000)	(500.000.000)
Số dư cuối kỳ này	66.294.890.000	683.890.000	5.524.716.000	52.281.462.461	124.784.958.461

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 77/NQ - ĐHĐCĐ ngày 23/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	53.181.655.148
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,94%	500.000.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (bằng 20% vốn điều lệ)	20,77%	11.047.730.000
Lợi nhuận chưa phân phối	78,29%	41.633.925.148

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCĐường Que Hàn, Phố Quán Gánh,
Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Ngô Bá Việt	5,15	3.415.652.309	5,15	2.846.450.000
Ông Ngô Văn Hùng	12,60	8.353.153.548	12,60	6.961.140.000
Các cổ đông khác	82,25	54.526.084.143	82,25	45.439.570.000
	<u>100,00</u>	<u>66.294.890.000</u>	<u>100,00</u>	<u>55.247.160.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	55.247.160.000	55.247.160.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	11.047.730.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	66.294.890.000	55.247.160.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	11.135.922.680	11.127.902.780
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	11.047.730.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	11.047.730.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(11.096.451.700)	(10.996.935.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(11.096.451.700)	(10.996.935.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(11.047.730.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(11.047.730.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>39.470.980</u>	<u>130.967.780</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.629.489	5.524.716
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.629.489	5.524.716
- Cổ phiếu phổ thông	6.629.489	5.524.716
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.629.489	5.524.716
- Cổ phiếu phổ thông	6.629.489	5.524.716
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.524.716.000	5.524.716.000
	<u>5.524.716.000</u>	<u>5.524.716.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh,
Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại Quốc lộ 1A đoạn từ giáp huyện Thanh Trì đến giáp thị trấn Thường Tín để sử dụng với mục đích làm văn phòng và cơ sở sản xuất, thời hạn 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 22.066,3 m² và 982,6 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, thời hạn 25 năm. Diện tích khu đất thuê là 21.700 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.672,54	2.722,02
- Đồng Euro (EUR)	24.193,14	1.833,17

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Công nghiệp Tàu thủy Bạch Đằng	1.343.019.727	1.343.019.727
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Du lịch Duy Anh	660.996.234	660.996.234
- Russia Limited Liability Company (LLC)	293.499.649	293.499.649
- Các khoản khác	2.200.802.275	2.200.802.275
	4.498.317.885	4.498.317.885

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	188.007.766.224	152.544.433.821
Doanh thu bán hàng hoá	24.557.967.952	16.818.601.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.815.959.919	1.064.496.377
	214.381.694.095	170.427.532.144

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.002.489.150	1.679.402.614
Hàng bán bị trả lại	67.337.970	469.197.060
	1.069.827.120	2.148.599.674

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh,
Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	159.687.848.716	126.023.365.533
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.212.129.811	15.546.859.515
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	302.468.430	295.967.082
	<u>182.202.446.957</u>	<u>141.866.192.130</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.376.436	10.352.540
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	72.143	16.204.282
	<u>10.448.579</u>	<u>26.556.822</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	578.155.302	535.649.961
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	4.546.137
	<u>578.155.302</u>	<u>540.196.098</u>

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.694.106	181.953.377
Chi phí nhân công	3.540.693.785	2.736.131.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.460.182	157.566.746
Chi phí khác bằng tiền	4.725.048.153	3.684.811.374
	<u>8.687.896.226</u>	<u>6.760.462.990</u>

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244.372.386	157.308.817
Chi phí nhân công	5.897.550.339	4.663.847.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.555.619	25.674.816
Thuế, phí, lệ phí	708.773.224	500.032.505
Chi phí khác bằng tiền	1.527.932.465	2.236.862.024
	<u>8.485.184.033</u>	<u>7.583.726.135</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh,
Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.321.764.520	11.528.833.766
Các khoản điều chỉnh tăng	49.371.516	26.078.173
- Chi phí không hợp lệ	49.371.516	26.078.173
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.371.136.036	11.554.911.939
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.674.227.207	2.310.982.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	709.599.113	1.651.941.813
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.951.826.884)	(3.093.439.847)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ HĐKD	1.431.999.436	869.484.354

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	(đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.647.537.313	9.217.851.378
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.647.537.313	9.217.851.378
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.629.489	6.629.489
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.606	1.390

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.802.356.848	115.777.433.484
Chi phí nhân công	20.523.430.928	16.010.505.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.337.215.714	3.642.595.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.945.978.136	6.205.773.618
Chi phí khác bằng tiền	7.321.448.155	6.669.548.577
	177.930.429.781	148.305.855.896

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền	20.566.769.259	-	-	20.566.769.259
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.832.574.384	-	-	51.832.574.384
	<u>72.399.343.643</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>72.399.343.643</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	24.180.381.235	-	-	24.180.381.235
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.685.465.673	-	-	45.685.465.673
	<u>69.865.846.908</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>69.865.846.908</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh,
Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay	26.367.301.362	-	-	26.367.301.362
Phải trả người bán, phải trả khác	21.499.202.243	-	-	21.499.202.243
	<u>47.866.503.605</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>47.866.503.605</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay	21.647.239.891	-	-	21.647.239.891
Phải trả người bán, phải trả khác	20.537.458.081	-	-	20.537.458.081
	<u>42.184.697.972</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>42.184.697.972</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Ngô Duy Đông	Chủ tịch HĐQT	301.001.500	293.459.700
Ông Nguyễn Hữu Mái	Ủy viên HĐQT	3.600.000	3.600.000
Ông Nguyễn Huy Tiến	Giám đốc, Ủy viên HĐQT	307.475.300	294.709.400
Ông Ngô Đức Dũng	Ủy viên HĐQT	180.088.700	172.848.200
Ông Nguyễn Mạnh Khôi	Ủy viên HĐQT	3.600.000	3.600.000
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Giám đốc	253.829.400	245.226.700
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Giám đốc	264.131.820	240.805.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.


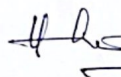

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Đường Que Hàn, Phố Quán Gánh,
Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

		
_____ Ngô Thị Hương Người lập	_____ Hoàng Xuân Thành Kế toán trưởng	_____ Nguyễn Huy Tiến Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025

